

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Trần Văn Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 543/TB-TLVA ngày 11-12-2019, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08-7-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HPT ngày 23-7-2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 5, thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Trần Đăng Đ, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 7, thôn 4, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Đăng Đ có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 19-5-2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu, bà T và ông Đ sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng đến tháng 5-2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ sử dụng ma túy, ông Đ đánh bà T. Bà T nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi. Giữa bà T và ông Đ cũng không hợp tính nhau, bắt

đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Bà T và ông Đ sống ly thân từ tháng 3-2019 cho đến nay.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đăng Đ.

*Về con chung:* Bà T và ông Đ không có con chung.

*Về tài sản chung, về nợ chung:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Đăng Đ không đến tòa án để làm việc và tham gia phiên tòa.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Đăng Đ có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 19-5-2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu, bà T và ông Đ sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng đến tháng 5-2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ sử dụng ma túy, ông Đ đánh bà T. Bà T nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi. Giữa bà T và ông Đ cũng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Bà T và ông Đ sống ly thân từ tháng 3-2019 cho đến nay. Tòa án cần xử cho bà T ly hôn với ông Đ. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này bà T, ông Đ có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Đăng Đ có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 19-5-2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Trần Đăng Đ là xã Suối Rao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Trần Đăng Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Đăng Đ có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 19-5-2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu, bà T và ông Đ sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng đến tháng 5-2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ sử dụng ma túy, ông Đ đánh bà T. Bà T nhiều lần khuyên nhưng ông Đ không thay đổi. Giữa bà T và ông Đ cũng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Bà T và ông Đ

sống ly thân từ tháng 3-2019 đến nay. Xác minh tại địa phương thì giữa bà T và ông Đ có mâu thuẫn, hay cãi vã nhau. Ông Đ là đối tượng nghiện ma túy, ông Đ có đánh bà T. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án đã triệu tập ông Đ để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân để bà T và ông Đ tiếp tục sống với nhau nhưng ông Đ không đến tòa án để làm việc. Như vậy giữa bà T và ông Đ có mâu thuẫn là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Đ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà T được ly hôn với ông Đ.

[3] *Về con chung*: Bà T và ông Đ không có con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông Đ có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Đăng Đ.

*Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Đăng Đ không có con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông Đ có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

*Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số: TU/2019/0002755 ngày 11-12-2019, bà T đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-8-2020), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà T, ông Đ vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9*

*Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Loan**